

Số: 1266/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Cục Tài chính doanh nghiệp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Cục Tài chính doanh nghiệp là đơn vị thuộc Bộ Tài chính, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể, tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập, đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài (không bao gồm đầu tư gián tiếp); quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục Tài chính doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Tài chính dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về:

a) Cơ chế, chính sách về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước;

b) Quy định tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cơ chế, chính sách về giám sát, kiểm tra hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Cơ chế, chính sách về tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước; cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng các nguồn hỗ trợ cho doanh nghiệp từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác;

đ) Cơ chế, chính sách về tài chính phục vụ chính sách phát triển hợp tác xã và kinh tế tập thể theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

e) Cơ chế, chính sách liên quan đến phí đối với lĩnh vực bảo đảm hàng hải, quản lý bay; cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

g) Cơ chế, chính sách khác về tài chính doanh nghiệp theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

h) Đầu mối tổng hợp, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tham gia ý kiến với các bộ, ngành, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đối với các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách khác liên quan đến tài chính doanh nghiệp, doanh nghiệp cung ứng, sản phẩm, dịch vụ công ích, sản phẩm, dịch vụ công, hợp tác xã và kinh tế tập thể.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Chủ trì báo cáo Bộ hoặc trình Bộ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Xây dựng, báo cáo Bộ trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các doanh nghiệp khác theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Thực hiện xem xét cụ thể báo cáo tài chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ;

c) Tổng hợp, phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính dự thảo kế hoạch điều hoà nguồn vốn, quỹ của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

d) Thực hiện việc giám sát tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của các cơ quan đại diện chủ sở hữu;

đ) Theo dõi, phân tích, đánh giá về hiệu quả sản xuất, kinh doanh, cảnh báo khi thấy có dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; kiến nghị, đề xuất giải pháp với cơ quan đại diện chủ sở hữu về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

e) Chủ trì tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC), phần vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn Bảo Việt, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Tham mưu báo cáo Bộ trong việc phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Có ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu về:

- Đề án thành lập doanh nghiệp nhà nước; Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các doanh nghiệp nhà nước khác theo phân công; dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

- Việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại doanh nghiệp;

- Vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ của doanh nghiệp nhà nước;

- Quy chế quản lý tài chính đối với các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;

- Việc đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp; đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động và đầu tư vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Các vấn đề vượt thẩm quyền của các cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Phối hợp với các cơ quan đại diện chủ sở hữu lập và thực hiện kế hoạch giám sát tài chính tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật; giám sát theo chuyên đề hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thẩm định, chấp thuận về khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Tham mưu giúp Bộ quản lý đối với nguồn kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp và đối tượng khác theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Thẩm định hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho doanh nghiệp quốc phòng, an ninh trong dự toán ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hỗ trợ kinh phí để giải quyết chính sách lao động dôi dư, tinh giản biên chế khi thực hiện sắp xếp lại các doanh nghiệp từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

c) Tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, thanh toán hoặc cấp kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, các tổ chức khác của trung ương trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, sản phẩm, dịch vụ công và hỗ trợ tài chính khác;

d) Phối hợp tổng hợp dự toán kinh phí để ngân sách địa phương hỗ trợ hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, sản phẩm, dịch vụ công và hỗ trợ tài chính khác;

đ) Theo dõi, cấp phát kinh phí NSNN cho doanh nghiệp theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, sản phẩm, dịch vụ công đối với các lĩnh vực sự nghiệp đường sắt, hàng hải, xúc tiến đầu tư quốc gia, xúc tiến du lịch quốc gia, xuất bản, trợ giá, trợ cước sách báo, tạp chí, sản xuất phim; xây dựng kế hoạch thu ngân sách hàng năm từ nguồn phí bảo đảm an toàn hàng hải, phí bay qua vùng trời;

e) Tổng hợp hoặc thẩm định quyết toán đối với các doanh nghiệp, đơn vị được ngân sách nhà nước thanh toán hoặc hỗ trợ kinh phí đặt hàng, đấu thầu, giao kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí NSNN thuộc phạm vi quản lý.

6. Quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; kiểm tra, đôn đốc việc thu, nộp và sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp, xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Tài chính kế hoạch thu, chi nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;



c) Lập báo cáo tài chính Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về tài chính đối với đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (không bao gồm đầu tư gián tiếp):

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tham gia ý kiến về năng lực tài chính của nhà đầu tư và nội dung tài chính đối với các dự án đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội;

b) Tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nội dung về ưu đãi thuế, ưu đãi tài chính khác và bảo lãnh của Chính phủ đối với các dự án đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội.

8. Tổng hợp, báo cáo Bộ trình cấp có thẩm quyền:

a) Báo cáo hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Báo cáo kết quả giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của các cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Báo cáo tình hình cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước và thoái vốn của doanh nghiệp nhà nước; cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp;

d) Báo cáo về việc xây dựng, lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thu nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước; tổng hợp báo cáo thu, chi ngân sách hằng năm thuộc lĩnh vực quản lý;

đ) Báo cáo tình hình tài chính hàng năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam;

e) Báo cáo tình hình tài chính hàng năm đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

g) Báo cáo việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

9. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trình Bộ tham gia xây dựng chính sách tiền lương (bảng lương, ngạch, bậc, chế độ phụ cấp, quản lý tiền lương và thu nhập) và các chính sách khác liên quan đến tiền lương, tiền công lao động của khu vực doanh nghiệp; tham gia với các đơn vị liên quan xây dựng đơn giá sản phẩm đối với những loại sản phẩm, hàng hóa do Nhà nước định giá; phối hợp với Cục Quản lý công sản trong việc sắp xếp, xử lý nhà đất của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn chi phối của Nhà nước.

10. Tổ chức khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cục Tài chính doanh nghiệp; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về tài chính doanh nghiệp; tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn về tài chính doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ tài chính - kế toán, cán bộ quản lý doanh nghiệp.

12. Tổ chức hợp tác nghiên cứu khoa học trong việc xây dựng chính sách tài chính, chiến lược tài chính phục vụ cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về tài chính doanh nghiệp theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

13. Quản lý công chức, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Đôn đốc thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, cơ quan cảnh sát điều tra đối với các vấn đề về tài chính doanh nghiệp theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

15. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Cục Tài chính doanh nghiệp gồm:

1. Văn phòng Cục;
2. Phòng Chính sách tổng hợp;
3. Phòng Đổi mới, sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;
4. Phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp công thương (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 1);
5. Phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp giao thông vận tải và xây dựng (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 2);
6. Phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp nông nghiệp và tài nguyên môi trường (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 3);
7. Phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp thông tin, truyền thông và dịch vụ khác (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 4);
8. Phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp dầu khí, xăng dầu (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 5);
9. Phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 6).

Nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng và các Phòng nghiệp vụ do Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp quy định.

#### **Điều 4. Chế độ làm việc và biên chế**

1. Cục Tài chính doanh nghiệp làm việc theo tổ chức phòng kết hợp với chế độ chuyên viên. Đối với công việc thực hiện chế độ chuyên viên, Cục trưởng phân công nhiệm vụ cho công chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Cục Tài chính doanh nghiệp được bố trí kế toán trưởng tại đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính.

3. Biên chế của Cục Tài chính doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

#### **Điều 5. Lãnh đạo Cục**

1. Cục Tài chính doanh nghiệp có Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng.

2. Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Tài chính doanh nghiệp; quản lý công chức, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

3. Phó Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

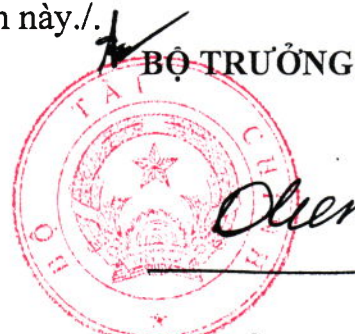
#### **Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2123/QĐ-BTC ngày 26/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tài chính doanh nghiệp.

Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*

- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 6;
- Văn phòng Đảng uỷ, Công đoàn;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ TCCB.



**Đinh Tiên Dũng**

